

NGHIÊN CỨU YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI TUÂN THỦ PHÁP LUẬT XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Phan Thi Thu Hiền

Đại học Ngoại Thương

Email: phanhiem@ftu.edu.vn

Bùi Thái Quang

Tổng cục Hải quan Việt Nam

Email: buiquangthai1010@gmail.com

Ngày nhận: 20/10/2020

Ngày nhận lại: 14/12/2020

Ngày duyệt đăng: 24/12/2020

Trong bối cảnh hiện nay, khối lượng và giá trị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tăng mạnh theo thời gian, các cơ quan quản lý nhà nước điển hình là ngành hải quan đang thực hiện phương thức quản lý dựa vào mức độ tuân thủ pháp luật của chủ thể là doanh nghiệp để tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo tạo thuận lợi và an ninh thương mại, đồng thời giữ vững kỉ cương và công bằng của môi trường kinh doanh. Với phương thức quản lý tiên tiến này, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ý thức được tầm quan trọng của tuân thủ tốt pháp luật, đó vừa là nghĩa vụ cũng đồng thời là lợi ích được tạo thuận lợi thương mại. Bài viết nhằm mục đích phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa tại Việt Nam, đồng thời nhận diện được các khó khăn và đề xuất một số giải pháp nâng hạng doanh nghiệp theo mức độ tuân thủ pháp luật.

Từ khóa: an ninh, hải quan, ngoại thương, pháp luật, tuân thủ, thuế quan.

JEL Classifications: D22, D50, D51

1. Tổng quan nghiên cứu về hành vi tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu

1.1. Sự cần thiết và ý nghĩa của tuân thủ pháp luật đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa

Theo Điều 3, Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 của Việt Nam: “Hoạt động ngoại thương là hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện dưới các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh và các hoạt động khác liên quan đến mua bán hàng hoá quốc tế theo quy định của pháp luật cũng như các điều lệ quốc tế mà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”. Tại Việt Nam, hệ thống pháp luật thương mại quốc tế và pháp luật hải quan cơ bản điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa bao gồm: (1) về lĩnh vực thương mại quốc tế có Luật Thương mại 2005 và Luật Quản lý ngoại thương 2017; (2) về lĩnh vực hải quan có Luật Hải

quan 2014, các pháp luật về thuế liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu gồm Luật Quản lý thuế; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế môi trường; và (3) các quy phạm pháp luật quản lý chuyên ngành khác liên quan đến quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

Để đảm bảo môi trường kinh doanh hiệu quả và hiệu lực, pháp luật thương mại quốc tế cũng như tất cả các nước trên thế giới đều quy định nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của các chủ thể giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Tại Việt Nam, tất cả hàng hóa, phương tiện vận tải phải được làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan, vận chuyển đúng tuyến đường, đúng thời gian qua cửa khẩu hoặc các địa điểm khác theo quy định của pháp luật. Theo đó, doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ tất cả các quy định pháp lý có liên quan đến tư cách pháp lý của chủ thể cũng

như chính sách quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, có nghĩa vụ nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí. Theo Luật Hải quan Việt Nam năm 2014, cơ quan hải quan với vai trò là người gác công quốc gia đảm nhận nhiệm vụ quan trọng liên quan đến tuân thủ pháp luật thuế xuất nhập khẩu của doanh nghiệp đó là: thực thi chính sách, biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; đồng thời giám sát doanh nghiệp trong việc kê khai, tính thuế và nộp thuế nhằm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, đúng thời hạn theo pháp luật về thuế, phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan. Như vậy, tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu hàng hóa là điều kiện tiên quyết để cơ quan hải quan quyết định thông quan đối với hàng hóa hay xác nhận doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục hải quan để được xuất khẩu, nhập khẩu.

Trong xu hướng toàn cầu hóa, tự do hóa thương mại và phát triển mạnh mẽ của thương mại hàng hóa, Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) xây dựng nguyên tắc và bộ tiêu chuẩn quản lý hải quan với công cụ quản lý tuân thủ pháp luật của chủ thể xuất nhập khẩu hàng hóa, đó là “Khung tiêu chuẩn an ninh và tạo thuận lợi thương mại toàn cầu - SAFE Framework”. Theo đó, WCO nhấn mạnh cơ quan hải quan căn cứ vào mức độ tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu để quyết định về cơ chế kiểm tra, giám sát và thủ tục hải quan đối với hàng hóa, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ quan trọng của hải quan là đảm bảo an ninh và tạo thuận lợi thương mại toàn cầu (WCO, 2005).

Xét về nghiệp vụ quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã xác định tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp là tiêu chí quan trọng trong việc thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, theo đó tạo thuận lợi cho những giao dịch có rủi ro thấp hoặc rất thấp về vi phạm pháp luật hải quan, ngược lại tăng cường kiểm tra, kiểm soát các giao dịch có nguy cơ vi phạm pháp luật cao (ADB, 2007). Đây được xem là phương pháp quản lý hiệu quả của cơ quan hải quan các nước trên thế giới bởi các ưu điểm như tối ưu hóa nguồn nhân lực trong công tác quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa, thúc đẩy sự lưu thông hàng hóa trên phạm vi toàn cầu với ý nghĩa tạo thuận lợi cho các giao dịch hợp pháp và tăng cường an ninh thương mại do phát hiện, ngăn chặn và cảnh báo các giao dịch vi phạm pháp luật.

Tại Việt Nam, cơ quan hải quan căn cứ mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp làm nền tảng để thực hiện quản lý rủi ro đối với tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh. Theo đó, hàng hóa khi làm thủ tục hải quan được tự động phân luồng với 03 hình thức, mức độ kiểm tra giám sát khác nhau, đó là: luồng xanh (miễn kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa), luồng vàng (kiểm tra hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế), luồng đỏ (kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế). Theo Tổng Cục Hải quan Việt Nam, tỷ lệ các lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hóa (luồng đỏ) đã giảm đáng kể qua các năm, cụ thể: năm 2011, tỷ lệ kiểm tra thực tế (luồng Đỏ) là 12,62% trong số hơn 7,2 triệu tờ khai XNK, đến năm 2019, tỷ lệ giảm còn 5,29% trên tổng số hơn 13,1 triệu tờ khai xuất nhập khẩu. Ngược lại, tỷ lệ tờ khai xuất nhập khẩu được miễn kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế (luồng xanh) đạt mức 55,44% trên tổng số tờ khai năm 2019, giảm mạnh thời gian và chi phí thông quan hàng hóa (Tổng Cục Hải quan, 2020). Vì vậy, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nhận thức được tầm quan trọng của tuân thủ pháp luật vì đây không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là quyền lợi được tạo thuận lợi trong thông quan hàng hóa. Tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu hàng hóa được có tính kế thừa và tích lũy trong thời gian hoạt động của doanh nghiệp cũng như các giao dịch thương mại quốc tế mà doanh nghiệp đã thực hiện.

1.2. Đặc trưng hành vi tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu của doanh nghiệp

Căn cứ vào công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp được biểu hiện cụ thể thông qua hành động sau:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật hải quan, pháp luật thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

- Thực hiện đầy đủ và đúng các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

- Chấp hành các quy trình, quy định của cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa và phương tiện vận tải

- Hợp tác và thực thi các quyết định, yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hải quan trong quá trình thông quan hàng hóa (Quách Đăng Hòa, 2008).

Căn cứ vào nội dung hành vi tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, Tổ chức Hải quan thế giới đã đưa ra mô hình Kim tự tháp về mức độ tuân thủ của doanh nghiệp xuất nhập khẩu, bao gồm bốn (04) mức độ khác nhau: tuân thủ hoàn toàn; hầu

như tuân thủ; về cơ bản không tuân thủ; và không tuân thủ (WCO, 2014). Đặc điểm hành vi tuân thủ pháp luật của các nhóm như sau:

- Nhóm hoàn toàn tuân thủ: nhóm doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ pháp luật, có thái độ sẵn sàng làm những việc đúng quy định của pháp luật. Điều này bắt nguồn từ nhận thức và hành động của doanh nghiệp thấy rằng phải có trách nhiệm tuân thủ pháp luật; coi việc tuân thủ như là một vấn đề thuộc về khía cạnh đạo đức kinh doanh và chuẩn mực hành vi. Do đó, họ sẵn sàng và chủ động thực hiện tốt trách nhiệm, nghĩa vụ pháp luật; đồng thời có ý thức tự điều chỉnh sự tuân thủ khi có những thay đổi của môi trường kinh doanh hoặc xuất hiện nguy cơ rủi ro liên quan đến việc tuân thủ.

- Nhóm về cơ bản tuân thủ: nhóm doanh nghiệp luôn cố gắng tuân thủ pháp luật nhưng đôi khi không thành công bởi yếu tố khách quan hoặc chủ quan: nguyên nhân chủ yếu là do thiếu năng lực pháp lý bao gồm hiểu biết và kỹ năng thực hành. Nhóm này sẵn sàng thừa nhận vi phạm vô ý gây ra, sẵn sàng hợp tác, yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hải quan hỗ trợ để thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trước pháp luật.

- Nhóm về cơ bản không tuân thủ: nhóm doanh nghiệp nếu có cơ hội sẽ thực hiện hành vi không tuân thủ pháp luật. Thường là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có tính chất cơ hội rất cao, khó nhận biết nhất, vì họ thường chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật, nhưng lại tìm các kẽ hở của chính sách, pháp luật trong từng giai đoạn để lợi dụng, sẽ không bỏ lỡ thực hiện các hành vi gian lận, buôn lậu. Nhóm này hoạt động không thường xuyên, thuộc các lĩnh vực, hàng hóa có tính nhạy cảm; Họ có thái độ không muốn thực hiện theo quy định pháp luật; khi bị phát hiện thường không thừa nhận, tìm cách trốn tránh, biện minh cho các hành vi vi phạm trước đó.

- Nhóm doanh nghiệp hoàn toàn không tuân thủ: Nhóm này chiếm tỷ lệ % rất nhỏ trong tổng số DN; họ luôn không có ý thức tuân thủ pháp luật, thậm chí luôn tìm cách vi phạm pháp luật; họ không quan tâm đến việc mình làm đúng hay sai, cũng như không có ý thức thay đổi tình hình tuân thủ. Xét về khía cạnh quản lý nhà nước, nhóm này là đối tượng trọng điểm luôn bị đưa vào danh sách quản lý chặt chẽ.

Việc phân loại trên cho thấy các yếu tố thuộc về bản thân doanh nghiệp như đạo đức kinh doanh, năng lực pháp lý, nhận thức về nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, hiểu biết và kỹ năng thực hành có ý nghĩa quan trọng đối với mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật xuất

nhập khẩu, chế tài xử lý vi phạm pháp luật cũng như hoạt động dịch vụ hỗ trợ pháp lý có ý nghĩa là môi trường xúc tác cho hành vi tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng hành vi tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp

Nghiên cứu “Mô hình về hành vi tuân thủ pháp luật thuế” của Fischer và cộng sự, đã đưa ra mô hình nghiên cứu tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế của chủ thể có nghĩa vụ nộp thuế, trong đó chỉ ra 5 nhóm yếu tố chính bao gồm:

- Loại hình doanh nghiệp: bao gồm tư cách pháp lý của doanh nghiệp, quy mô và thời gian thành lập; môi trường kinh doanh; năng lực tài chính và đầu tư kinh doanh; mối quan hệ kinh doanh với các chủ thể khác trên thị trường thế giới và trong nước.

- Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh: bao gồm quy mô và thời gian hoạt động, uy tín và thương hiệu kinh doanh; đội ngũ lãnh đạo; năng lực cạnh tranh.

- Đặc trưng xã hội: bao gồm cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp; văn hóa doanh nghiệp; nguồn nhân lực; năng lực của đội ngũ lãnh đạo.

- Môi trường kinh tế: bao gồm định hướng toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại; chính sách thương mại quốc tế; chính sách thuế, chính sách tài chính và tiền tệ; tính minh bạch của thị trường.

- Yếu tố tâm lý: bao gồm triết lý kinh doanh, tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, trong đó năng lực, đạo đức kinh doanh và kỹ năng lãnh đạo của đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp có ý nghĩa then chốt quyết định mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp (Fischer và cộng sự, 2009). Trong bối cảnh hiện nay, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa tự kê khai và tự chịu trách nhiệm về việc chuẩn bị hồ sơ hải quan, kê khai thuế, nộp thuế vì vậy các yếu tố thuộc về bản thân doanh nghiệp như hiểu biết pháp luật, kiến thức về ngoại thương, cũng như các yếu tố bên ngoài như chính sách thương mại quốc tế, chính sách thuế và thủ tục hành chính về hải quan và thuế có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hành vi tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Căn cứ vào thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam hiện nay, các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp đáng kể đó là:

- Quy trình thủ tục hải quan, nguyên tắc, phương thức và công cụ kiểm tra, giám sát hải quan

- Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh;

- Pháp luật thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh;

- Quy định về phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Quy định về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Quy định về kiểm tra chất lượng; kiểm dịch động vật, thực vật; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh;
- Quy định của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa;
- Quy định về hợp tác trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan, cơ quan lý thú nhà nước.

Như vậy, căn cứ vào quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp đó là: pháp luật hải quan và công tác quản lý nhà nước về hải quan; cơ chế điều hành xuất nhập khẩu của Nhà nước vào thời điểm xuất nhập khẩu hàng hóa; chính sách và công cụ thương mại hàng hóa (thuế quan và phi thuế quan); chính sách quản lý chuyên ngành và thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và hải quan.

1.4. Hợp tác và hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước đối với tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp

Ngành hải quan thực hiện phương pháp quản lý hải quan hiện đại theo nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro trong toàn bộ công tác kiểm tra, giám sát hải quan; đồng thời áp dụng quản lý tuân thủ đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu; chuyên từ tiền kiểm sang hậu kiểm; ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai phổ biến, rộng rãi tại các đơn vị hải quan; trang thiết bị hiện đại trong hoạt động nghiệp vụ; xây dựng đội ngũ công chức hải quan chuyên nghiệp, chuyên sâu trong từng lĩnh vực; thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN tạo một bước ngoặt mới trong công tác hiện đại hóa hải quan và tạo thuận lợi thương mại.

Quy định quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu: đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế; thúc đẩy công tác hiện đại học hệ thống thuế, hải quan theo hướng thực hiện cơ chế quản lý rủi ro, đẩy mạnh quản lý thuế điện tử, tăng cường vai trò của tổ chức, cá nhân có liên quan; tăng cường các biện pháp quản lý kiểm tra, giám sát và kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thuế xuất khẩu, nhập khẩu, quản

lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung, thay thế đã đáp ứng yêu cầu hội nhập, khuyến khích phát triển, cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh, thương mại quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thực hiện các cam kết quốc tế về cắt giảm thuế quan, Hiệp định trị giá GATT 1994, Công ước mã hóa và phân loại hàng hóa, nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Ngành Hải quan phối hợp với các ngân hàng thương mại để thực hiện thu nộp thuế thông qua Cổng thông tin điện tử hải quan, giảm thiểu thời gian xác định hoàn thành nghĩa vụ thuế, tiết kiệm chi phí cho cả người nộp thuế và cơ quan hải quan trong việc tuân thủ pháp luật thuế, góp phần giảm thời gian thông quan hàng hóa và thuận lợi hóa thương mại. Công tác thu nộp thuế, lệ phí, quản lý thu thuế thực hiện ngày càng chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả bằng phương thức điện tử. Cùng với việc quy định người nộp thuế được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tự tính, tự khai, tự nộp thuế, công tác thanh tra, kiểm tra đã được ngành tài chính chú trọng đẩy mạnh và tăng cường, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về thuế.

Quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được quy định tại nhiều văn bản pháp quy của Chính phủ và Bộ, các cơ quan chức năng trên cơ sở nền tảng là cơ chế quản lý ngoại thương theo Nghị định 69/2019 NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành Luật quản lý ngoại thương và Nghị định 187/20013 NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại 2005. Thời gian gần đây, Tổng Cục Hải quan đã tích cực, chủ động hợp tác với Bộ quản lý chuyên ngành, các cơ quan quản lý nhà nước đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo yêu cầu tại các Nghị quyết 19/NQ-CP. Đến tháng 12/2018, các Bộ, ngành đã sửa đổi, bổ sung 82/87 văn bản (chiếm 94%), trong đó có 10 Bộ bao gồm: Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải (Tổng Cục Hải quan, 2020).

Nhiều văn bản được sửa đổi, ban hành mới theo hướng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cắt giảm danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, thay đổi phương thức kiểm tra, áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra, nhiều mặt hàng đã được chuyển thời điểm kiểm tra từ giai đoạn trước thông quan

sang sau thông quan, tăng đối tượng được miễn kiểm tra, minh bạch hóa danh mục hàng hóa kèm mã số HS, bãi bỏ những quy định không phù hợp. Tổng Cục Hải quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành thành lập địa điểm kiểm tra chuyên ngành, tập trung để thực hiện hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu, đến nay đã thành lập được 10 địa điểm kiểm tra chuyên ngành tập trung tại các cửa khẩu có lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn thuộc các Cục Hải quan TP. Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai, Quảng Ngãi.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp khảo sát

Số liệu và thông tin được thu thập, xử lý và phân tích từ kết quả khảo sát thực tiễn tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam trong thời gian từ 01/01/2018 - 31/12/2018.

Đối tượng của cuộc khảo sát gồm các doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại các Chi Cục hải quan (10 chi cục Hải quan thuộc 7 Cục Hải quan: Hà Nội, Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Đông Nai và Bình Dương), bao gồm doanh nghiệp xuất nhập khẩu và đại lý hải quan. Tính đa dạng của cuộc khảo sát thể hiện ở loại hình doanh nghiệp, hàng hóa xuất nhập khẩu cũng như phương thức vận tải quốc tế.

Hình thức khảo sát: Thu thập ý kiến trả lời của doanh nghiệp thông qua Bảng hỏi. Cách thức thực hiện là gửi trực tiếp đến doanh nghiệp có thực hiện thủ tục hải quan tại 10 chi cục Hải quan có kim ngạch thông quan, số thu thuế XNK và phí lớn tại Việt Nam.

Bảng hỏi được thiết kế dựa trên cơ sở lý thuyết và quy định pháp luật thương mại, hải quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại Việt Nam. Ngoài những nội dung về chủ thể, giao dịch, phần lớn các câu hỏi sử dụng thang đo Likert từ 1 đến 5 để người trả lời lựa chọn. Nội dung của phiếu khảo sát có sự tham gia ý kiến của các chuyên gia kinh tế, hải quan và các nhà khoa học tại Việt Nam. Nội dung chi tiết của Phiếu khảo sát được đính kèm trong Phụ lục số 1.

Phương thức thực hiện: Phiếu khảo sát gửi trực tiếp đến doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan tại các Chi Cục hải quan ở ba miền Bắc, Trung và Nam của Việt Nam. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, đối chiếu so sánh bằng công cụ thống kê cơ bản.

2.2. Đối tượng trả lời khảo sát

- Về loại hình doanh nghiệp: Trong 399 doanh nghiệp phản hồi, có 210 doanh nghiệp nhỏ và vừa,

chiếm hơn 50%. Các doanh nghiệp còn lại, có đến hơn 22% là những doanh nghiệp có kim ngạch xuất nhập khẩu, nộp thuế cao.

- Về nguồn vốn: doanh nghiệp trong nước chiếm 42%, và doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 40% tổng số phản hồi.

- Về thời gian hoạt động của doanh nghiệp: Gần như 100% doanh nghiệp có thời gian hoạt động xuất nhập khẩu trên 2 năm, trong đó khoảng 72% tổng số doanh nghiệp phản hồi có kinh nghiệm hoạt động XNK trên 5 năm.

- Về lĩnh vực kinh doanh: Doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất thương mại chiếm trên 50% tổng số phản hồi.

- Về thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu của các doanh nghiệp phản hồi là: ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Mỹ. Đây cũng là những thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa chủ lực của Việt Nam, nổi bật là là Trung Quốc chiếm gần 42% số doanh nghiệp trả lời.

2.3. Kết quả khảo sát

Số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát và phản hồi chính thức

Căn cứ vào công thức đo lường tính đại diện của mẫu khảo sát và thông tin phản hồi, theo đó với độ tin cậy mong muốn của cuộc khảo sát là 95%, sai số cho phép 5%:

Số doanh nghiệp phản hồi dự tính được tính toán theo công thức về chọn mẫu: $n = N/[1+N.(e)^2]$, trong đó:

n = Cỡ mẫu

e = Sai số cho phép

N = Tổng thể mẫu

Tổng số phiếu khảo sát gửi đi là 1.500 phiếu thì số lượng phản hồi cần đạt được là khoảng 405 doanh nghiệp. Số lượng phản hồi thực tế nhận được là 399 với tỷ lệ khoảng 26,6% có ý nghĩa đại diện và độ tin cậy.

3. Phân tích thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam: Kết quả khảo sát

Theo Tổng Cục Hải quan, số lượng và tỷ lệ doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật xuất nhập khẩu trong quá trình làm thủ tục hải quan theo bộ tiêu chí của ngành hải quan đã tăng dần qua các năm, ngược lại số doanh nghiệp bị xếp vào nhóm không tuân thủ có chiều hướng giảm như bảng 1:

Bảng trên phần nào đã cho thấy kết quả tích cực về mức độ tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Việt Nam, phần tiếp theo bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng bao gồm cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Bảng 1: Đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu từ 2015 - 2019

STT	Nội dung việc đánh giá tuân thủ DN XNK	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tổng DN XNK được đưa vào ĐGTT	95.200	100	103.846	100	106.123	100
2	Doanh nghiệp ưu tiên	68	0,80	69	0,066	74	0,70
3	Doanh nghiệp tuân thủ	11.337	11,91	11.981	11,54	12.111	11,41
4	Doanh nghiệp không tuân thủ	1.733	1,82	1.555	1,10	1.470	1,39
06	Doanh nghiệp khác:	82.130	86,27	90.310	86,96	92.542	87,20

Nguồn: Tổng Cục Hải quan, 2020

3.1. Yêu tố bên trong doanh nghiệp

Thứ nhất, hiểu biết về tiêu chí tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ rất nhỏ doanh nghiệp chưa hiểu biết hoặc hiểu ít về tuân thủ tốt pháp luật theo quy định hiện hành, dưới 3% tổng số doanh nghiệp trả lời. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã hiểu biết, nhận thức được tầm quan trọng của tuân thủ pháp luật cũng như ý nghĩa đối với cơ chế kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

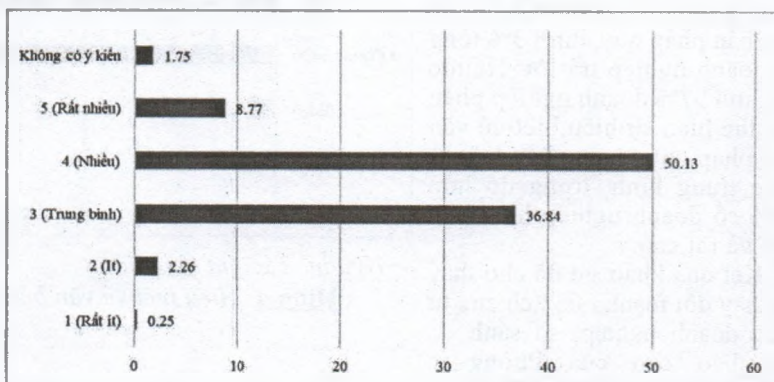
Thứ hai, phương thức doanh nghiệp làm thủ tục đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Có gần 70% doanh nghiệp trả lời tự làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc vừa tự làm vừa thuê. Hơn 30% doanh nghiệp thuê hoàn toàn đại lý hải quan làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ pháp luật thể hiện qua nội dung khai báo hải quan, kết quả xử lý thông tin khai báo hải quan cũng như hình thức kiểm tra, giám sát hải quan.

Thứ ba, mức độ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý trong hoạt động xuất nhập khẩu

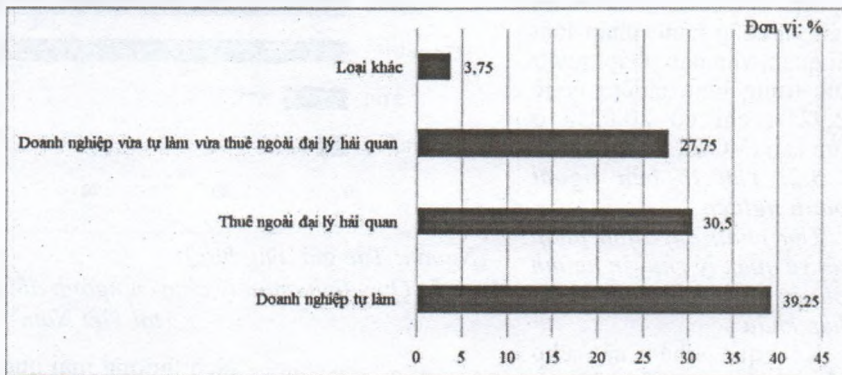
Có trên 96% doanh nghiệp tham gia trả lời có sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng

hóa, trong đó tỷ lệ lớn nhất (khoảng 40% tổng số doanh nghiệp trả lời) các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ thường xuyên. Điều này thể hiện doanh nghiệp Việt Nam đã có ý thức tuân thủ pháp luật và đánh giá cao vai trò của dịch vụ tư vấn pháp lý nhằm đảm bảo tuân thủ đúng và đủ các quy định pháp luật.



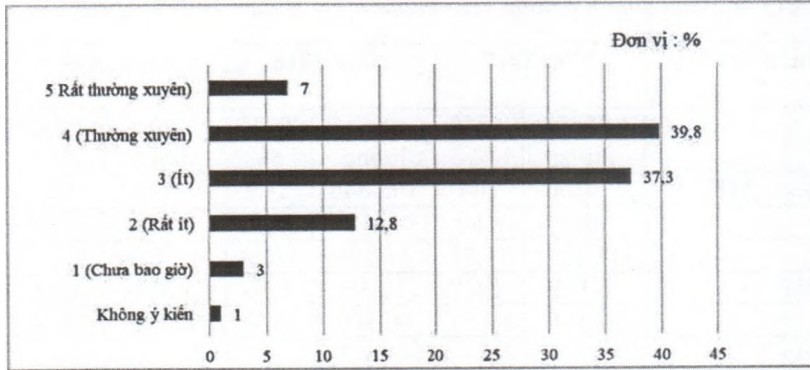
(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Hình 1: Hiểu biết của doanh nghiệp về quy định tuân thủ pháp luật



(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Hình 2: Phương thức làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu



(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Hình 3: Thực tiễn sử dụng tư vấn pháp lý của doanh nghiệp

Thứ tư, về mức độ hiểu biết văn bản quy phạm pháp luật

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ rất nhỏ các doanh nghiệp chưa hiểu biết hoặc hiểu ít về văn bản pháp quy, dưới 3% tổng số doanh nghiệp trả lời. Ngược lại, hơn 97% doanh nghiệp phản hồi thể hiện sự hiểu biết về văn bản pháp quy phạm pháp luật từ mức trung bình, trong đó hơn 50% số doanh nghiệp hiểu biết cao và rất cao.

Kết quả khảo sát đã cho thấy sự thay đổi mạnh mẽ, tích cực từ phía doanh nghiệp, so sánh với báo cáo của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, đánh giá về năng lực pháp lý của các doanh nghiệp cho thấy khả năng hiểu và chấp hành pháp luật hải quan, văn bản pháp quy ở mức trung bình chiếm tỷ lệ 72,92%, chỉ có 20,83% ở mức cao (VCCI, 2016).

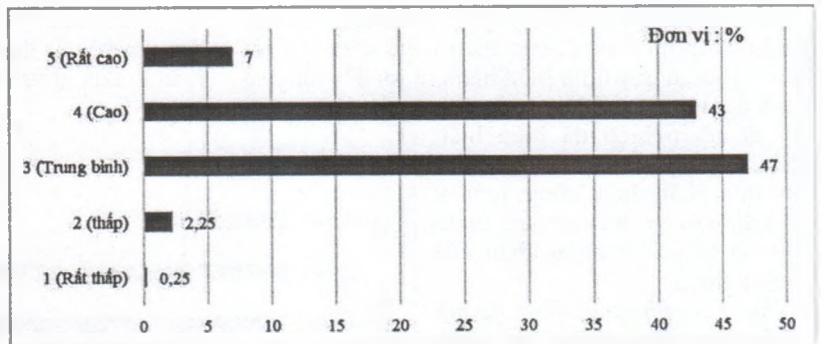
3.2. Yếu tố bên ngoài doanh nghiệp

Thứ nhất, quy định pháp luật về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Kết quả khảo sát cho thấy: doanh nghiệp cho rằng quy định quản lý chuyên ngành ở mức trung bình, nhiều và rất nhiều chiếm tỷ lệ cao tương ứng là 45%, khoảng 40% và 6,75% trong tổng số doanh nghiệp trả lời.

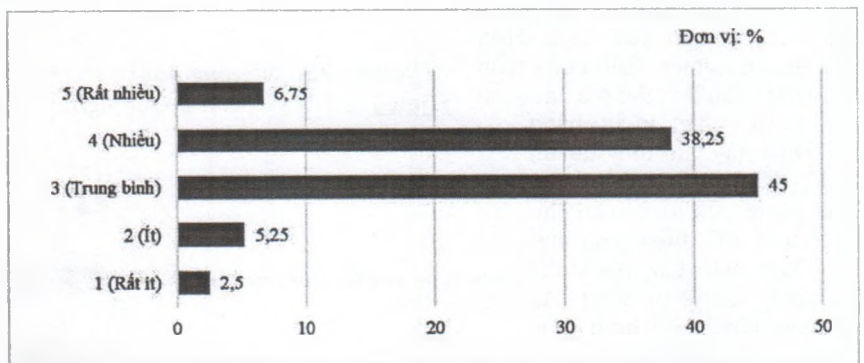
Doanh nghiệp đồng tình với ý kiến ít và rất ít chiếm tỷ lệ nhỏ, chưa đến 10%.

Theo khảo sát về “Đánh giá cải cách TTHC hải quan - mức độ hài lòng của DN năm 2016” của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và cơ quan hợp tác và phát triển Hoa Kỳ (USAID), ý kiến của doanh nghiệp về pháp luật hải quan và thương mại quốc tế về hàng hóa là: “Doanh nghiệp bị động về thông tin chính sách, quy định pháp luật mới. Ngoài ra, chính



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Hình 4: Hiểu biết về văn bản pháp luật của doanh nghiệp



(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Hình 5: Quy định quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam

sách thương mại quốc tế và hải quan có nhiều thay đổi nhưng chưa phổ biến rộng rãi, doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa tiếp cận được cả góc độ nội dung và thực thi nên còn khó

khẩn tìm thông tin cần trao đổi, giải đáp từ cơ quan hải quan và cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa” (VCCI, 2016).

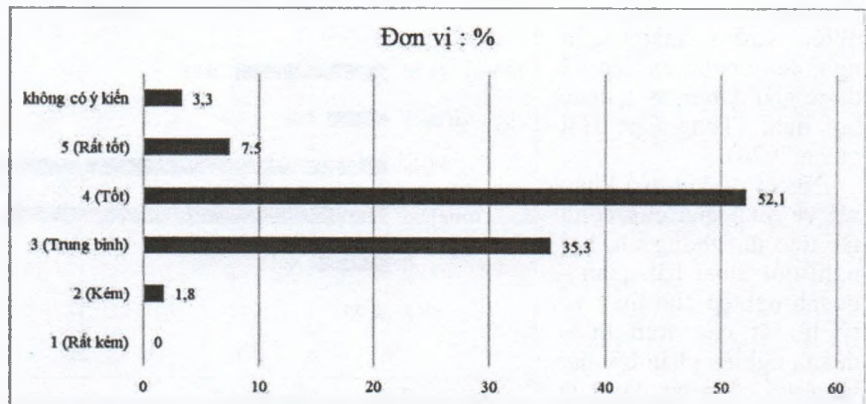
Thứ hai, về chất lượng hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS trong hoạt động làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp

Với sự giúp đỡ của Chính phủ Nhật Bản, từ ngày 01/4/2014, ngành Hải quan đã chính thức triển khai Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS, theo đó, tất cả các quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được tự động hóa. Hiện nay, hơn 99,65% doanh nghiệp tham gia thực hiện thủ tục hải quan bằng phương thức điện tử tại 100% các đơn vị hải quan trên phạm vi toàn quốc (Tổng Cục Hải quan, 2020). Cùng với nguyên tắc quản lý hải quan tiên tiến là căn cứ vào mức thủ tục thủ pháp luật của doanh nghiệp xuất nhập khẩu, hệ thống VNACCS/VCIS đã góp phần tạo thuận lợi thương mại, cắt giảm thời gian và chi phí thông quan tại Việt Nam. Theo Tổng Cục Hải quan đối với hàng hóa thuộc luồng xanh (miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa), thời gian thông quan chỉ từ 1 - 3 giây. Việc triển khai Hệ thống VNACCS/VCIS đã giúp giảm thiểu giấy tờ trong bộ hồ sơ làm thủ tục hải quan nhờ việc sử dụng chữ ký số. Khi triển khai hệ thống VNACCS/VCIS, nhờ hầu hết thông tin chứng từ kèm theo trong bộ hồ sơ hải quan được tích hợp trong tờ khai hải quan điện tử, nên doanh nghiệp không phải chuẩn bị nhiều chứng từ kèm theo và không phải chuẩn bị nhiều văn bản giấy. Điều này giúp giảm thời gian và chi phí làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đồng thời góp phần hạn chế sai sót và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp (Tổng Cục Hải quan, 2020).

Kết quả khảo sát cho thấy, doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS của Hải quan Việt Nam, với tỷ lệ 52,1%; 7,5% số doanh nghiệp trả lời đồng tình với chất lượng cao và rất cao. Ngược lại số doanh nghiệp đánh giá chất lượng kém và rất kém chỉ chiếm chưa đến 2% tổng số doanh nghiệp trả lời.

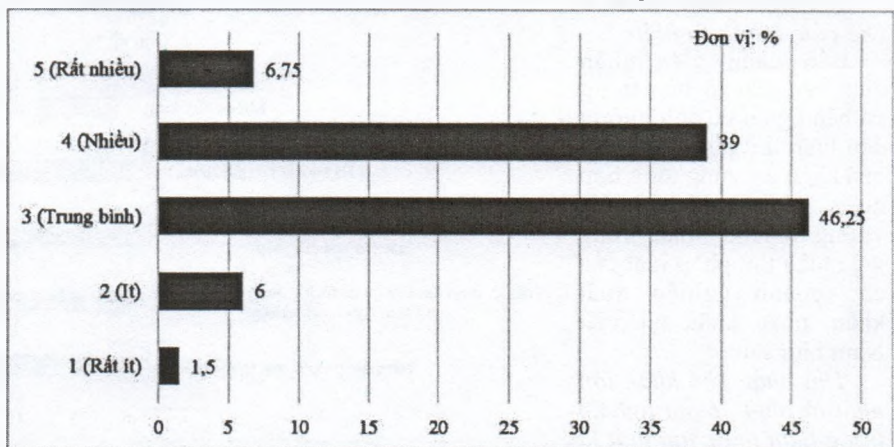
Thứ ba, về công tác hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ nhỏ các doanh nghiệp cho rằng công tác hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước ở mức độ ít và rất ít, chiếm chưa đến 10% tổng số doanh nghiệp trả lời. Trong khi đó, trên 45% doanh nghiệp trả lời đánh giá cao và rất cao công tác hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước, góp phần tuân thủ tốt pháp luật của doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Việt Nam.



(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Hình 6: Chất lượng hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS



(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Hình 7: Công tác hỗ trợ doanh nghiệp của các cơ quan quản lý nhà nước về việc phổ biến, hướng dẫn và tư vấn pháp luật xuất nhập khẩu hàng hóa

Thứ tư, về hiệu quả công tác trao đổi thông tin, hội nghị đối thoại hải quan và doanh nghiệp về thực thi pháp luật hải quan

Phát triển quan hệ đối tác hải quan - doanh nghiệp và các bên liên quan là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Hải quan Việt Nam nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật. Hàng năm, Tổng Cục Hải Quan Việt Nam tổ chức nhiều hội nghị, đối thoại, tọa đàm với cộng đồng doanh nghiệp như Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc, Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản, Liên minh Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam (VBF), Diễn đàn kinh tế tư nhân (VPSF), Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI). Qua các hoạt động này, mối quan hệ phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ quan Hải quan tiếp tục được cải thiện, củng cố; nhiều cơ chế, chính sách mới đã được phổ biến, hướng dẫn, nhiều vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp đã được giải đáp ngay tại các hội nghị (Tổng Cục Hải quan, 2020).

Ngoài ra, kết quả khảo sát về hiệu quả của công tác trao đổi thông tin, hội nghị đối thoại hải quan - doanh nghiệp cho thấy về tỷ lệ rất cao trên 90% doanh nghiệp phản hồi hài lòng với công tác này của ngành Hải quan (Tổng Cục Hải quan, 2020).

3.3. Khó khăn và hạn chế của doanh nghiệp

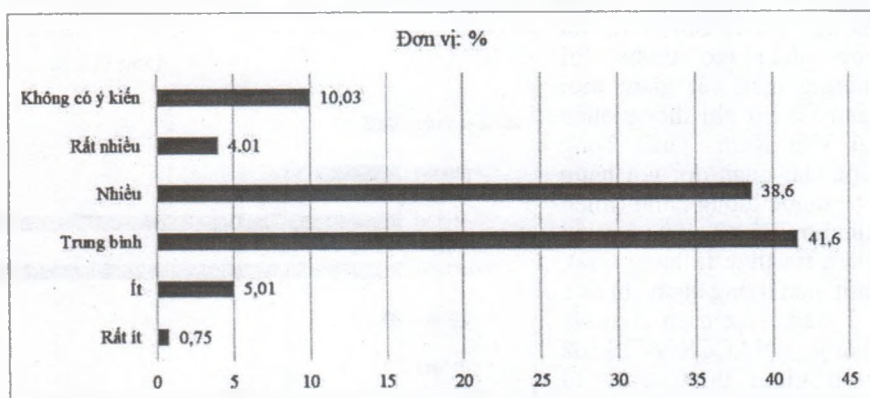
Bên cạnh việc nhận diện các yếu tố bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng đến tuân thủ pháp luật, kết quả khảo sát cũng tổng hợp được những khó khăn, vướng mắc cơ bản trong việc tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, khó khăn lớn nhất từ phía doanh nghiệp trong tuân thủ pháp luật là năng lực pháp lý của nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin hỗ trợ

doanh nghiệp tuân thủ pháp luật.

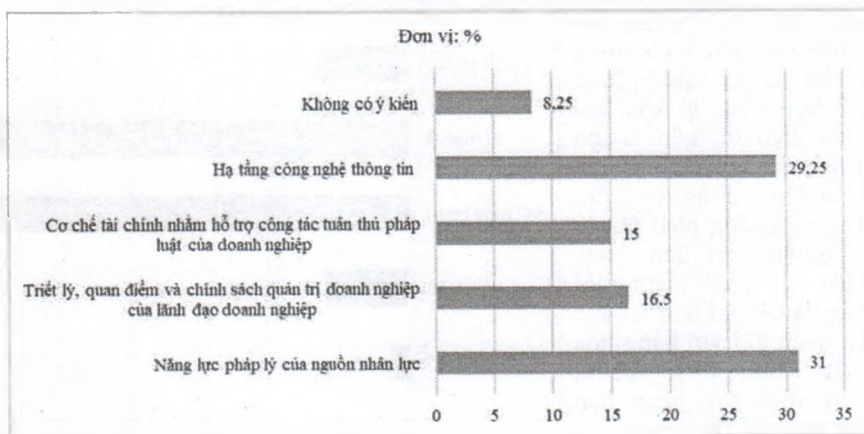
Theo Tổng Cục Hải quan, hiện nay hệ thống công nghệ thông tin của ngành cũng như việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp chưa có chương trình phần mềm để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xử lý các vướng mắc và cảnh báo vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, tính kết nối và liên thông về cơ sở dữ liệu doanh nghiệp giữa cơ quan hải quan và với các cơ quan quản lý nhà nước khác còn rất hạn chế và gây khó khăn cho việc thực thi pháp luật xuất nhập khẩu của doanh nghiệp (Tổng Cục Hải quan, 2020).

Tiếp theo là một số nghiệp vụ ngoại thương và hải quan mà doanh nghiệp phải thực hiện để thực thi quy định pháp luật đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu, đó là (hình 10):



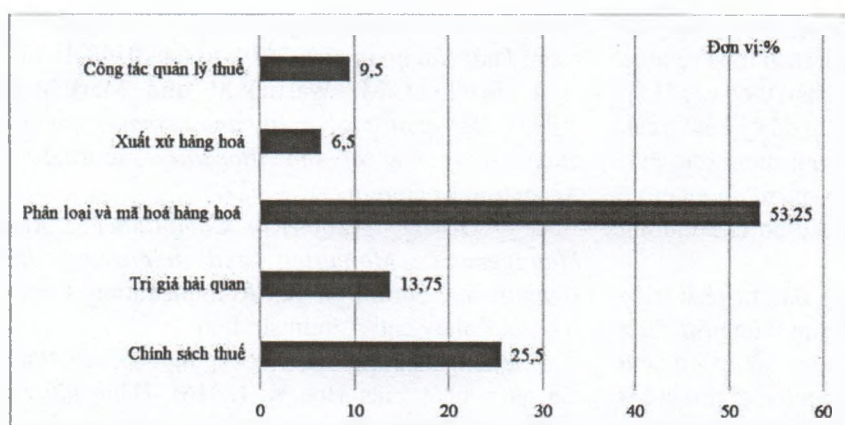
(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Hình 8: Hiệu quả công tác đối thoại giữa cơ quan hải quan, thuế và doanh nghiệp



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Hình 9: Khó khăn trong tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu hàng hóa tại Việt Nam



(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Hình 10: Khó khăn trong nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thủ tục hải quan

Qua số liệu trên cho thấy, doanh nghiệp gặp vướng mắc về công tác phân loại, mã hóa hàng hóa và chính sách thuế chiếm tỷ lệ cao nhất là 53,25% và 25,5%. Hai vướng mắc này hoàn toàn tương thích với hai yếu tố ảnh hưởng cơ bản là năng lực đội ngũ nhân lực của doanh nghiệp và chính sách thuế như phân tích ở trên. Theo thống kê của Tổng Cục Hải quan, từ năm 2017 đến 2019, số lượng tờ khai vi phạm khai mã số hàng hóa, khai thuế không ngừng tăng qua các năm và năm 2019 là 5.129 tờ khai, tăng 25,9% so với năm 2018 (Tổng Cục Hải quan, 2020).

4. Kết luận và một số đề xuất

Bài viết trên cơ sở kết quả khảo sát hành vi tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp Việt Nam đã chỉ ra được khó khăn lớn nhất đó là chất lượng nguồn nhân lực về năng lực pháp lý và kỹ thuật nghiệp vụ xuất nhập khẩu, hải quan. Bên cạnh đó phải kể đến những yếu tố khách quan từ phía cơ quan quản lý nhà nước như: tính phức tạp và chưa ổn định của hệ thống pháp luật xuất nhập khẩu hàng hóa, chính sách thuế tại Việt Nam; chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước còn nhiều bất cập. Từ kết quả phân tích trên đây, tác giả đề xuất một số giải pháp cơ bản để tăng cường tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh tự do hóa thương mại và mở cửa thị trường.

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tập huấn, đào tạo của cơ quan hải quan, các cơ quan quản lý chuyên ngành về nghiệp vụ thuế và hải quan cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Bản chất của việc tuân thủ

pháp luật thuế xuất nhập khẩu là thực hiện đúng chính sách thuế và các biện pháp kỹ thuật về phân loại hàng hóa, xác định xuất xứ và trị giá tính thuế đối với hàng hóa. Vì vậy, cơ quan hải quan cần tăng cường đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp bằng các khóa học hoặc ứng dụng giảng dạy trực tuyến đề hướng dẫn thực hành nghiệp vụ hải quan về phân loại hàng hóa, trị giá hải quan, xuất xứ. Bên cạnh đó, cơ quan hải quan cũng cần xây

dựng cảm nang các lỗi vi phạm thường gặp trong thực hiện thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và tuân thủ pháp luật thuế và phí. Ngoài ra, bản thân doanh nghiệp cũng cần nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực pháp lý và kỹ năng thực hành nghiệp vụ thuế, hải quan. Cuối cùng, trong nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò của các hiệp hội ngành hàng, đại lý hải quan và doanh nghiệp logistics trong việc kết nối cơ quan hải quan, cơ quan quản lý chuyên ngành và cộng đồng doanh nghiệp trong công tác tổng hợp và đề xuất đào tạo về nghiệp vụ thuế và hải quan chuyên sâu theo yêu cầu thực tiễn hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại Việt Nam.

Thứ hai, tăng cường trao đổi thông tin về thuế và hải quan giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Hiện nay, cách thức tiếp cận thông tin thuận tiện nhất cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong kỷ nguyên số chính là qua các cổng thông tin điện tử của cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý chuyên ngành. Tổng cục Hải quan, đặc biệt là Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan cần xây dựng và phát triển trang thông tin chuyên sâu về tuân thủ pháp luật hải quan và thuế trong hoạt động ngoại thương, bao gồm xuất nhập khẩu hàng hóa. Nội dung của trang thông tin thường xuyên cập nhật những thay đổi về thủ tục, chính sách thuế và phí liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa, hệ thống các quy định quản lý chuyên ngành, cũng như cơ chế đối xử và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực

thuế và hải quan. Bên cạnh đó, trong trang thông tin cần cung cấp cả nội dung về chính sách thuế và mức thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết và cần chú trọng xây dựng và cập nhật nội dung trao đổi, hỏi đáp giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan về thực tiễn áp dụng mức thuế từ các cơ chế thương mại khác nhau.

Ngành hải quan cần chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và trang thông tin, thiết kế nhiều chương trình phần mềm hỗ trợ doanh nghiệp khai báo và làm thủ tục kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh. Trang thông tin của Tổng Cục Hải quan được thiết kế liên kết với các trang thông tin của hải quan địa phương để doanh nghiệp trên toàn quốc có thể truy cập, trao đổi và thực hành thống nhất pháp luật thuế và hải quan. Đồng thời, đơn vị chuyên trách định kỳ rà soát hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin điện tử dựa trên ý kiến đóng góp của doanh nghiệp để thiết kế giao diện trang thông tin điện tử đơn giản, dễ sử dụng mà vẫn cung cấp đầy đủ thông tin và đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam đã và đang có nhiều chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động, thể hiện về nhận thức, hiểu biết cũng như kết quả phân loại mức độ tuân thủ tốt pháp luật của ngành hải quan. Thời gian tới, doanh nghiệp mong nhận được sự hỗ trợ của cơ quan hải quan và cơ quan quản lý nhà nước về thông tin cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách thuế, môi trường kinh doanh tại Việt Nam và thế giới. Bên cạnh đó, doanh nghiệp Việt Nam nỗ lực đổi mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về năng lực pháp lý, nghiệp vụ ngoại thương và hải quan, trình độ công nghệ tin học trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và toàn cầu hóa. ◆

Tài liệu tham khảo:

1. ADB (2007), *Guidelines for Customs Risk Management*.
2. Chính Phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật quản lý ngoại thương năm 2017*, số 05/2017/QH14

3. Chính Phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Hải quan năm 2014*, số 54/2014/QH 13

4. Fischer.C.M, Wartick.M and Mark.M.M (1992), *Detection probability and taxpayer compliance: A review of the literature*, Journal of Accounting Literature, 11, 1 - 27.

5. OECD (2004), *Compliance Risk Management: Managing and Improving Tax Compliance*, Forum on Tax Administration, Centre for Tax Policy and Administration

6. Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, Cơ quan phát triển Hoa Kỳ (2016), *Đánh giá cải cách TTHC hải quan - Mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm 2016*, Hà Nội.

7. Quách Đăng Hòa (2015), *Nghiên cứu, xây dựng Khung tiêu chuẩn quản lý rủi ro cho Hải quan Việt Nam*, Đề tài NCKH cấp Bộ Tài chính, Hà Nội.

8. Tổng Cục Hải quan (2020), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2020 của Tổng Cục Hải quan*, Văn phòng Tổng cục Hải quan, Hà Nội.

9. WCO (2003), *Guidelines on Risk Management*, Brussels, Belgium.

10. WCO (2007), *Framework of standards to secure and facilitate global trade*, Brussels, Belgium.

Summary

Currently, the volume and value of exports and imports have increased sharply over time, so government authorities, especially customs, are implementing management basing on the law compliance of enterprises to optimize resources, ensure trade facilitation and security, and maintain the disciplined and fair business environment. With this advanced management method, import-export businesses are aware of the importance of good compliance with the law which are at the same time obligations and benefits of trade support. The article aims to analyze the factors affecting the law compliance of goods import-export enterprises in Vietnam, identify difficulties, and makes several suggestions to improve the enterprise's law compliance.